

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST

Ngày: 16-8-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ,
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C; Địa chỉ: H Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: H Đ, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền ngày 10/4/2023.

Bị đơn: Công ty Cổ phần L1; Địa chỉ: Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T1: Ông Võ Mạnh H1, sinh năm 1967; chức vụ: Nhân viên phòng kế toán.

Địa chỉ: Lô D, Đường D, Khu Công nghiệp P, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông H yêu cầu vắng mặt, ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/4/2022, Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty C) và Công ty Cổ phần L1 (viết tắt là Công ty L1) ký kết Hợp đồng cung cấp, lắp đặt Dàn ngưng bay hơi Inox công suất 750kw. Giá trị hợp đồng bao gồm thuế VAT 8% là 840.132.000 đồng, thỏa thuận thanh toán làm 04 đợt. Cụ thể:

Đợt 1: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng tương đương 336.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày sau khi ký hợp đồng.

Đợt 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng tương đương 336.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày sau khi giao dàn ngưng đến công trình.

Đợt 3: Thanh toán 15% giá trị hợp đồng còn lại tương đương 126.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày kể từ ngày hoàn thành lắp đặt.

Đợt 4: Thanh toán 5% còn lại tương đương 42.132.000 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

Công ty C đã bàn giao sản phẩm đạt yêu cầu cho Công ty L1 và phát sinh thêm 8.640.000 đồng theo báo giá có xác nhận của Công ty L1. Công ty C đã bàn giao sản phẩm theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 06/9/2022.

Công ty C đã xuất hóa đơn cho Công ty L1 theo đúng thỏa thuận với tổng số tiền 848.772.000 đồng gồm:

Hóa đơn số 00000036 ngày 19/4/2022, số tiền 336.000.000 đồng;

Hóa đơn số 00000063 ngày 08/8/2022, số tiền 336.000.000 đồng;

Hóa đơn số 00000066 ngày 12/8/2022, số tiền 126.000.000 đồng;

Hóa đơn số 00000073 ngày 09/9/2022, số tiền 42.132.000 đồng;

Hóa đơn số 00000082 ngày 14/10/2022, số tiền 8.640.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty L1 chỉ mới thanh toán được 536.000.000 đồng cho Công ty C nên còn nợ số tiền 312.772.000 đồng.

Nay Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần L1 thanh toán 312.772.000 đồng nợ gốc; yêu cầu trả lãi chậm thanh toán theo lãi suất 1,25%/tháng kể từ ngày 14/10/2022 (ngày xuất hóa đơn cuối cùng) đến ngày xét

xử sơ thẩm trên số tiền chậm thanh toán 312.772.000 đồng; Phạt vi phạm hợp đồng 8% trên số tiền chậm thanh toán 312.772.000 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần L1 do ông Võ Mạnh HI trình bày:

Ngày 04/4/2022, Công ty Cổ phần C và Công ty Cổ phần L1 ký kết Hợp đồng cung cấp, lắp đặt Dàn ngưng bay hơi Inox công suất 750kw. Giá trị hợp đồng bao gồm thuế VAT 8% là 840.132.000 đồng và chi phí phát sinh thêm là 8.640.000 đồng, tổng cộng 848.772.000 đồng theo 05 hóa đơn giá trị gia tăng như Công ty C đã cung cấp. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của Công ty L1 gặp nhiều khó khăn nên chỉ mới thanh toán được 536.000.000 đồng cho Công ty C. Nay Công ty L1 xác nhận còn nợ Công ty C số tiền 312.772.000 đồng gốc và đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu về tiền lãi phạt chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng 8% trên giá trị hợp đồng vi phạm thì chúng tôi đề nghị nguyên đơn giảm phần chi phí này vì công ty đang gặp nhiều khó khăn.

Về thời hạn và phương thức trả tiền gốc: Công ty đề nghị được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung:

Xét thấy Hợp đồng dịch vụ số 13/HD22 ngày 04/4/2022 giữa Công ty C và Công ty L1 được hai bên tự nguyện ký kết, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên theo quy định Điều 513, 514 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 74 luật thương mại 2005 thì hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Công ty C đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, được Công ty L1 nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. Tuy nhiên, Công ty L1 mới chỉ thanh toán 536.000.000 đồng, còn lại 312.772.000 đồng chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty C. Do đó, Công ty C yêu cầu Công ty L1 thanh toán 312.772.000 đồng nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi chậm thanh toán: Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 25/7/2023, Nguyên đơn yêu cầu Công ty L1 trả lãi suất chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/ năm kể từ ngày xuất hóa đơn cuối cùng 14/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 312.772.000 đồng. Do Công ty L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát sinh do chậm

thanh toán với mức lãi suất 10%/ năm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 357, Khoản 2 Điều 468 BLDS có cơ sở để chấp nhận.

Về phạt vi phạm hợp đồng: Tại Điều 10, mục 10.1 của Hợp đồng dịch vụ ngày 04/4/2022, các bên đều thống nhất thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng “ *Bên không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã nêu tại Hợp đồng thì bên A sẽ thanh toán cho Bên B một số tiền lãi chậm thanh toán bằng lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng CP A quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, mức tối đa của khoản tiền lãi không quá 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm*”. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở. Tiếp theo, đối chiếu lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Cổ Phần A thời điểm hiện tại tương ứng thời gian chậm trả tạm tính từ ngày 14/10/2022 đến ngày 14/7/2023 là 09 tháng trên số tiền chậm trả 312.772.000 đồng, thì số tiền phạt chậm thanh toán được tính đã vượt quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm nên theo quy định Điều 300, 301 của Luật thương mại 2005 thì xác định khoản phạt chậm thanh toán tối đa đối với số nợ gốc này là 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm là 25.021.760 đồng.

Đối với đề nghị giảm phần lãi suất chậm trả, lãi phạt chậm trả và đề nghị được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ của Công ty L1 không được phía Công ty C đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 357, , 418, 468, 513, 514, 515, 516, 517, 518 và 519 của Bộ Luật Dân sự 2015; Điều 24; 50; 55; 74, 85; 300, 301 Luật Thương mại 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Công ty C khởi kiện bị đơn Công ty L1 thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng dịch vụ số 13/HD22 ngày 04/4/2022, Công ty L1 có trụ sở chính tại xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng dịch vụ, mua bán hàng hóa” và thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu vắng mặt. Ông Võ Mạnh H1 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Ngày 08/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức nhận được văn bản số 0808/2023/CV-LVF ngày 08/8/2023 qua đường bưu điện của Công ty Cổ phần L1 về việc yêu cầu áp dụng khoản 2 Điều 41 Luật Phá sản, điểm g khoản 1 Điều

214 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Xét thấy: Quyết định số 46/2023/QĐ-PT ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung hủy bỏ Quyết định không mở thủ tục phá sản số 02/2022/QĐ-KMTTPS ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét, giải quyết lại yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì Tòa án nhân dân huyện Bến Lức vẫn chưa nhận được thông báo thụ lý vụ việc phá sản của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với Công ty Cổ phần L1 nên không có căn cứ tạm đình chỉ theo quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4] Hợp đồng dịch vụ số 13/HD22 ngày 04/4/2022 giữa Công ty C và Công ty L1 về việc cung cấp, lắp đặt Dàn ngưng bay hơi Inox công suất 750kw ngày 04/4/2022 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Biên bản nghiệm thu và các hóa đơn giá trị gia tăng có xác nhận của các bên thể hiện nghĩa vụ của L phải thanh toán là 848.772.000 đồng nhưng mới chỉ thanh toán 536.000.000 đồng nên còn nợ lại 312.772.000 đồng. Việc này được Công ty L1 thừa nhận nên là chứng cứ không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào Điều 50, Điều 297 Luật Thương mại, buộc Công ty L1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ là 312.772.000 đồng cho Công ty C là có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của Công ty C là có cơ sở chấp nhận .

[5] Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn: Theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng thể hiện phương thức thanh toán như sau: “Đợt 1: Tạm ứng 40% giá trị hợp đồng tương đương 336.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày sau khi ký hợp đồng. Đợt 2: Thanh toán 40% giá trị hợp đồng tương đương 336.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày sau khi giao dàn ngưng đến công trình. Đợt 3: Thanh toán 15% giá trị hợp đồng còn lại tương đương 126.000.000 đồng trong vòng 3-5 ngày kể từ ngày hoàn thành lắp đặt. Đợt 4: Thanh toán 5% còn lại tương đương 42.132.000 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu”. Tuy nhiên, Công ty L1 đã nhận được các hóa đơn, chứng từ đề nghị thanh toán với tổng số tiền 848.772.000 đồng nhưng chỉ mới thanh toán được 536.000.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Tuy nhiên, Công ty C yêu cầu Công ty L1 phải trả lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm trên số tiền 312.772.000 đồng từ ngày 14/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/8/2023) là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi trên số tiền chậm trả mà Công ty L1 phải thanh toán cho Công ty C từ ngày 14/10/2022 đến ngày xét xử (ngày 16/8/2023) với lãi suất 10%/năm đối với số tiền 312.772.000 đồng như sau: $312.772.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 10 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 26.235.715 \text{ đồng}$ (Hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

[6] Về phạt vi phạm: Căn cứ Điều 10.1 của Hợp đồng các bên có thỏa

thuận: “Trường hợp bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã nêu tại hợp đồng thì bên A sẽ thanh toán cho bên B một số tiền lãi chậm thanh toán bằng lãi suất nợ quá hạn do **ngân hàng CP Á (A)** qui định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, mức tối đa khoản tiền lãi không quá 8% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm”. Theo lãi suất công bố của **Ngân hàng Á** tham khảo tại <https://topi.vn/laisuat-ngan-hang-acb.html> thì lãi suất cho vay tối thiểu tại **Ngân hàng Á** là 10,5%/năm tương đương lãi suất quá hạn 15,75%/tháng là cao hơn so với mức phạt 8% trên giá trị hợp đồng vi phạm nên yêu cầu phạt vi phạm 8% trên giá trị hợp đồng vi phạm là phù hợp qui định. **Công ty L1** phải chịu phạt vi phạm hợp đồng 8% trên giá trị hợp đồng vi phạm là 25.021.760 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; thì bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 207, Điều 208, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518 và Điều 519 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 279, Điều 300, Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần C** đối với **Công ty Cổ phần L1** về việc tranh chấp “hợp đồng dịch vụ, mua bán hàng hóa”.

2. Buộc **Công ty Cổ phần L1** có nghĩa vụ hoàn trả cho **Công ty Cổ phần C** số tiền còn nợ là 364.029.475 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Bao gồm: 312.772.000 đồng (Ba trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng) nợ gốc, 26.235.715 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng) nợ lãi và 25.021.760 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi một ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) phạt vi phạm hợp đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần L1 phải chịu 18.201.474 đồng (*Mười tám triệu hai trăm linh một nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Hoàn trả cho **Công ty Cổ phần C** số tiền tạm ứng án phí là 9.141.000 đồng (*Chín triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009865 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên